

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/HNGĐ-PT

Ngày 03/4/2018

V/v tranh chấp chia tài sản sau khi
ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Kim Sang.

Các Thẩm phán: Bà Đặng Thị Đồng;

Bà Trương Thị Tuyền.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Minh Thư – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh: Ông Phạm Văn Sơn,
Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Trong ngày 03 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2018/TLPT-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2018 về việc “Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn”.

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 61/2017/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 11 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 06/2018/QĐPT-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1984; vắng mặt.

Địa chỉ đăng ký thường trú: Khu phố M, thị trấn T1, huyện T, tỉnh Tây Ninh; tạm trú tại: Ấp TP, xã TH, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1960; địa chỉ cư trú: Khu phố M1, phường T2, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh – là người đại diện theo ủy quyền (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 12-7-2016); có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Đình Q, sinh năm: 1980; có mặt

Địa chỉ đăng ký thường trú: Khu phố M, thị trấn T1, huyện T, tỉnh Tây Ninh; tạm trú tại: Ấp TP, xã TH, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1967; có mặt

Cư trú tại: Khu phố B, thị trấn T1, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

2/ Anh Nguyễn Xuân D, sinh năm 1993; vắng mặt

Cư trú tại: Khu phố B, thị trấn T1, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của anh Nguyễn Xuân D: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1967; cư trú tại: Khu phố B, thị trấn T1, huyện T, tỉnh Tây Ninh – là người đại diện theo ủy quyền (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 07/11/2016).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 12 tháng 7 năm 2016 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc T và người đại diện hợp pháp của chị T – ông Nguyễn Văn V trình bày:

Chị và anh Q kết hôn với nhau từ năm 2010, đến năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn và được Tòa án nhân dân huyện Tân Châu và Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử cho ly hôn tại Bản án số: 37/2016/HNGĐ-ST ngày 30/6/2016 và Bản án số: 33/2016/HNGĐ-PT ngày 16/9/2016. Theo nội dung của hai bản án nêu trên thì tài sản chung và nợ chung do chị và anh Q tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Sau khi ly hôn chị và anh Q không thỏa thuận được việc phân chia tài sản chung, do đó chị khởi kiện yêu cầu Tòa án chia tài sản chung giữa chị và anh Q là căn nhà cấp 4B được xây dựng vào năm 2013 và các công trình phụ được xây trên diện tích đất 215 m² (là tài sản riêng của anh Q) tọa lạc tại ấp TP, xã TH, huyện T, tỉnh Tây Ninh, do Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Nguyễn Đình Q đứng tên ngày 20/10/2010. Nguồn tiền dùng để xây căn nhà và công trình phụ trên đất là do chị và anh Q chuyển nhượng nhà và đất tại khu phố M, thị trấn T1, huyện T cho bà Nguyễn Thị V1 (chị ruột anh Q) được số tiền 150.000.000 đồng và vay thêm tiền của họ hàng, bạn bè (đã trả xong) cùng với số tiền tích góp của vợ chồng được khoảng 140.000.000 đồng.

Trong thời gian chung sống, vào ngày 29/9/2014 anh Q chuyển nhượng diện tích đất 215 m² cho anh Nguyễn Xuân D mà không có ý kiến của chị, hiện nay tài sản chung của chị và anh Q được xây dựng trên diện tích đất này nên chị yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh Q với

anh D và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do anh D đứng tên đối với diện tích 215 m² đất do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 20/10/2014. Tại phiên tòa ngày 03/10/2017 cũng như tại biên bản lấy lời khai ngày 10/10/2017 chị đã rút lại phần yêu cầu này, chỉ yêu cầu chia đôi tài sản chung là căn nhà cấp 4B tọa lạc tại ấp TP, xã TH, huyện T, tỉnh Tây Ninh và tài sản trên đất. Chị xin nhận ½ giá trị tài sản bằng tiền và bổ sung thêm yêu cầu nhận ½ giá trị của 50.000.000 đồng tiền công tôn tạo trên đất, tương đương với số tiền 25.000.000 đồng. Ngoài tài sản trên chị và anh Q không còn tài sản chung nào khác và cũng không yêu cầu giải quyết nợ chung vì đã trả xong.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của chị T rút lại yêu cầu đòi tiền công tôn tạo trên đất với số tiền 25.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - anh Nguyễn Đình Q trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị T về việc anh và chị T đã ly hôn theo Bản án số: 37/2016/HNGĐ-ST, ngày 30/6/2016 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu và Bản án số: 33/2016/HNGĐ-PT, ngày 16/9/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Do trong thời gian sống chung giữa anh và chị T không có tài sản chung nên anh và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung trong hai bản án nêu trên.

Việc chị T cho rằng khi còn chung sống thì anh và chị T có tài sản chung là căn nhà cấp 4B và các tài sản trên diện tích đất 215 m² tọa lạc tại tổ 1, ấp TP, xã TH, huyện T, tỉnh Tây Ninh là không đúng, căn nhà này do bà Nguyễn Thị H xây cho mẹ ruột anh (bà Nguyễn Thị B) để ở chứ không phải tài sản của vợ, chồng anh. Căn nhà khởi công xây dựng vào tháng 10/2013 đến tháng 11/2013 xây xong và mẹ anh chuyển đến sinh sống trong căn nhà này cho đến cuối tháng 12/2013 (A1) thì vợ chồng anh xin bà H chuyển đến sống chung với mẹ anh. Mọi chi phí xây dựng căn nhà và giao dịch mua vật liệu xây dựng là do bà H tự giao dịch và thanh toán, anh và chị T không có bỏ số tiền nào ra để xây căn nhà này, tuy nhiên anh có ký nhận vật liệu xây dựng nhưng không nhớ cụ thể mấy lần.

Trước tháng 12/2013, vợ chồng anh sinh sống tại nhà và đất đã chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị V1 (chị ruột anh) tọa lạc tổ 6, khu phố M, thị trấn T1, huyện T vào năm 2012, theo chị T trình bày căn nhà và đất này là tài sản chung của anh chị, sau đó sang nhượng cho bà V1 lấy tiền xây căn nhà cấp 4B tại ấp TP, xã TH là không đúng. Căn nhà và đất tại khu phố M, thị trấn T1 do bà Nguyễn Thị H nhờ vợ chồng anh đứng tên giữ (khi nhờ đứng tên không có giấy tờ gì chứng minh do anh và bà H là chị em ruột), đây là tài sản của bà H nhận sang nhượng của bà Nguyễn Thị L.

Đối với diện tích đất 215 m² tại ấp TP, xã TH, huyện T, tỉnh Tây Ninh là tài sản của bà H nhờ anh đứng tên giùm trước khi anh đăng kết hôn với chị T. Do đây là tài sản của bà H nên ngày 29/9/2014 anh đã lập hợp đồng chuyển nhượng diện tích đất này cho anh Nguyễn Xuân D là con của bà H và được Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh D ngày 20/10/2014. Chị T yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất này và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho do UBND huyện T cấp cho anh Nguyễn Xuân D đứng tên với diện tích 215 m² là không đúng nên anh không đồng ý. Ngoài ra chị T còn yêu cầu chia ½ tiền công tôn tạo (đổ đất) trên đất của số tiền 50.000.000 đồng là không có cơ sở, vì nhà và đất cùng các công trình trên đất đều do bà H tạo lập nên đây là tài sản của bà H, do đó anh không đồng ý. Anh xác định là trong thời gian sống chung giữa anh và chị T không có tài sản chung, nợ chung.

Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 29 tháng 12 năm 2016 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Nguyễn Thị H trình bày:

Căn nhà cấp 4B có diện tích thực tế ngang 05 m x dài 26 m và các công trình phụ được xây trên diện tích đất 215 m², tọa lạc tại ấp TP, xã TH, huyện T, tỉnh Tây Ninh là do bà xây dựng vào năm 2013 với số tiền 310.000.000 đồng. Nay chị T yêu cầu chia tài sản chung với anh Q là căn nhà này thì bà không đồng ý vì căn nhà này là tài sản do bà bỏ tiền ra khởi công xây dựng từ tháng 09/2013 đến tháng 11/2013. Việc xây dựng nhà không phải xin giấy phép nhưng bà có ký hợp đồng xây nhà, mục đích xây căn nhà là để cho mẹ ruột là bà Nguyễn Thị B (chết tháng 7 năm 2014) ở và quản lý. Sau khi xây nhà xong anh Q, chị T thấy bà B sống một mình nên xin bà cho về sống chung với bà B tại căn nhà này cho đến khi chị T với anh Q ly hôn. Hiện nay chị T vẫn còn sinh sống và quản lý căn nhà cùng tài sản trên đất. Từ khi anh Q, chị T chuyển đến sinh sống trên căn nhà này thì không xây cất thêm tài sản gì trên đất, bà xác định căn nhà và các công trình phụ trên đất này không phải là tài sản chung của anh Q và chị T mà là tài sản của bà.

Đối với diện tích đất 215 m² là của bà nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Văn B, bà Trương Thị S và nhờ anh Nguyễn Xuân L1, chị Trần Thị Bảo N đứng tên giùm. Đến năm 2010, anh L1 và chị N làm thủ tục chuyển nhượng cho anh Nguyễn Đình Q đứng tên giùm. Hiện tại, phần đất này anh Q đã làm thủ tục sang nhượng cho anh Nguyễn Xuân D và cũng đã được Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nay bà không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của chị T, bà yêu cầu chị T trả lại nhà, đất và tài sản trên đất cho bà và anh Nguyễn Xuân D.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của anh Nguyễn Xuân D - bà Nguyễn Thị H trình bày:

Nguyễn Xuân D là con ruột của bà, vào ngày 29/9/2014 anh Nguyễn Đình Q có lập hợp đồng chuyển nhượng diện tích 215 m² đất, thuộc thửa số 176, tờ bản đồ số 49, tọa lạc tại ấp TP, xã TH, huyện T, tỉnh Tây Ninh cho Nguyễn Xuân D. Tuy nhiên, thực tế diện tích đất này là của bà nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Văn B, bà Trương Thị S và nhờ anh Q đứng tên giùm vào năm 2010. Anh Q lập hợp đồng chuyển nhượng diện tích đất trên cho anh D nhưng thực tế không phải chuyển nhượng mà chỉ làm thủ tục sang tên qua cho anh D, vì trước đó bà phát hiện chị T lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (phô tô) đi đăng ký thông tin để được cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sang tên qua cho chị T nên bà mới kêu anh Q làm thủ tục sang tên cho anh D. Việc sang tên đã thực hiện xong, hiện anh D đã được Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc chuyển nhượng này là hợp pháp, hai bên tự nguyện nên không phải giả tạo, do đó anh D không đồng ý hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 29/9/2014 và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do anh D đứng tên.

Nếu có căn cứ cho rằng căn nhà cấp 4B và công trình phụ trên đất là tài sản chung của anh Q và chị T, Tòa án phải chia theo quy định pháp luật thì anh D xin nhận tất cả tài sản trên đất này và có nghĩa vụ thanh toán lại số tiền tương đương với giá trị của các tài sản trên theo biên bản định giá ngày 13/4/2017 của Hội đồng định giá trong tổ tụng dân sự huyện T cho anh Q, chị T.

Tại Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 61/2017/HNGĐ-ST ngày 27/11/2017, Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 33, Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 166, Điều 213 và Điều 219 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc T đối với anh Nguyễn Đình Q về việc chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn gồm: Căn nhà cấp 4B xây năm 2013, có đặc điểm xây tường, mái lợp tole, nền gạch men, cửa sắt gắn kính; hàng rào trụ xi măng, kẽm lưới B40, nền đất phía sau căn nhà có diện tích (ngang 05 m + dài 13,4 m) x cao 1,9 m và hàng rào trụ xi măng, kẽm lưới B40, nền xi măng + cổng sắt phía trước căn nhà có diện tích dài 11,5 m x cao 1,9 m; tọa lạc tại ấp TP, xã TH, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Tổng

giá trị tài sản là 250.997.550 (hai trăm năm mươi triệu, chín trăm chín mươi bảy nghìn, năm trăm năm mươi) đồng.

1.1. Chia cho chị Nguyễn Thị Ngọc T $\frac{1}{2}$ giá trị khối tài sản chung tương đương số tiền 125.498.770 (một trăm hai mươi lăm triệu, bốn trăm chín mươi tám nghìn, bảy trăm bảy mươi) đồng.

Chia cho anh Nguyễn Đình Q $\frac{1}{2}$ giá trị khối tài sản chung tương đương số tiền 125.498.770 (một trăm hai mươi lăm triệu, bốn trăm chín mươi tám nghìn, bảy trăm bảy mươi) đồng.

Anh Nguyễn Xuân D được quyền sở hữu và quản lý, sử dụng tài sản cùng các công trình phụ là khối tài sản chung của anh Nguyễn Đình Q và chị Nguyễn Thị Ngọc T, được xây trên diện tích đất 215 m², tại thửa đất 176, tờ bản đồ 49 được Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 20 tháng 10 năm 2014 do anh Nguyễn Xuân D đứng tên gồm: Căn nhà cấp 4B xây năm 2013, có đặc điểm xây tường, mái lợp tole, nền gạch men, cửa sắt gắn kính; hàng rào trụ xi măng, kẽm lưới B40, nền đất phía sau căn nhà có diện tích (ngang 05 m + dài 13,4 m) x cao 1,9 m và hàng rào trụ xi măng, kẽm lưới B40, nền xi măng + cổng sắt phía trước căn nhà có diện tích dài 11,5 m x cao 1,9 m, tọa lạc tại ấp TP, xã TH, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Anh Nguyễn Xuân D có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Nguyễn Đình Q mỗi người 125.498.770 đồng tương đương $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chị T, anh Q được nhận.

Chị Nguyễn Thị Ngọc T có nghĩa vụ giao căn nhà cấp 4B và các công trình phụ được xây trên diện tích đất 215 m², tại thửa đất 176, tờ bản đồ 49, tọa lạc tại ấp TP, xã TH, huyện T, tỉnh Tây Ninh cho anh Nguyễn Xuân D.

1.2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị H về việc đòi lại căn nhà cấp 4B xây năm 2013, có đặc điểm xây tường, mái lợp tole, nền gạch men, cửa sắt gắn kính; hàng rào trụ xi măng, kẽm lưới B40, nền đất phía sau căn nhà có diện tích (ngang 05 m + dài 13,4 m) x cao 1,9 m và hàng rào trụ xi măng, kẽm lưới B40, nền xi măng + cổng sắt phía trước căn nhà có diện tích dài 11,5 m x cao 1,9 m được xây trên diện tích đất 215 m², tại thửa đất 176, tờ bản đồ 49 được Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 20 tháng 10 năm 2014 do anh Nguyễn Xuân D đứng tên.

1.3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 29 tháng 9 năm 2014 giữa anh Nguyễn Đình Q với anh Nguyễn Xuân D; yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 02929, diện tích 215 m², tại thửa đất 176, tờ bản đồ 49 được UBND huyện T

cấp ngày 20/10/2014 do Nguyễn Xuân D đứng tên và yêu cầu đòi tiền công tôn tạo đất với số tiền 25.000.000 đồng của chị Nguyễn Thị Ngọc T.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí định giá; án phí; quyền, nghĩa vụ của các đương sự theo Luật Thi hành án Dân sự.

Ngày 11 tháng 12 năm 2017, bị đơn là anh Nguyễn Đình Q có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng xác định giữa anh và chị T không có tài sản chung.

Ngày 11 tháng 12 năm 2017, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị H có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét bản án sơ thẩm đối với tài sản là căn nhà cấp 4 tọa lạc tại ấp TP, xã TH, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Căn nhà này do bà bỏ tiền ra xây dựng, không phải tài sản chung của chị T và anh Q.

Ngày 11 tháng 12 năm 2017, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Xuân D có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm, xác định căn nhà cấp 4 tọa lạc tại ấp TP, xã TH, huyện T, tỉnh Tây Ninh và tài sản trên đất là do bà H xây dựng. Anh không đồng ý nhận căn nhà này, đồng thời không đồng ý trả số tiền trị giá căn nhà cho anh Q, chị T.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội quy phiên tòa;

Về nội dung: Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đã thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án. Việc thỏa thuận này là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa hôm nay, các bên đương sự đã tự nguyện thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án như sau:

Bà Nguyễn Thị H (đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Xuân D) đồng ý giao cho chị Nguyễn Thị Ngọc T số tiền 120.000.000 (một trăm hai mươi triệu) đồng.

Chị Nguyễn Thị Ngọc T đồng ý nhận số tiền 120.000.000 (một trăm hai mươi triệu) đồng và sẽ giao lại căn nhà cấp 4B và các công trình phụ được xây trên diện tích đất 215 m², tại thửa đất 176, tờ bản đồ 49, tọa lạc tại ấp TP, xã TH, huyện T, tỉnh Tây Ninh cho anh Nguyễn Xuân D.

[2] Sự thỏa thuận giữa các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử xét thấy cần sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[3] Về án phí: Do các đương sự không tự thỏa thuận với nhau về việc chịu án phí nên các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu 6.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào 3.950.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại 02 biên lai thu số 0023398 và 0023399 ngày 22 tháng 8 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, Tây Ninh; chị T còn phải nộp thêm 2.050.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Đình Q không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào 5.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0023960 ngày 23 tháng 02 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, Tây Ninh; bà H được nhận lại số tiền chênh lệch 4.700.000 đồng.

Về án phí phúc thẩm: Anh Q, bà H, anh D mỗi người phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 300 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Sửa Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 61/2017/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

1. Anh Nguyễn Xuân D có nghĩa vụ giao cho chị Nguyễn Thị Ngọc T số tiền 120.000.000 (một trăm hai mươi triệu) đồng.

Anh Nguyễn Xuân D được quyền sở hữu và quản lý, sử dụng tài sản cùng các công trình phụ được xây trên diện tích đất 215 m², tại thửa đất 176, tờ bản đồ 49 được Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 20 tháng 10 năm 2014 do anh Nguyễn Xuân D đứng tên gồm: Căn nhà cấp 4B xây năm 2013, có đặc điểm xây tường, mái lợp tole, nền gạch men, cửa sắt gắn kính; hàng rào trụ xi

măng, kẽm lưới B40, nền đất phía sau căn nhà có diện tích (ngang 05 m + dài 13,4 m) x cao 1,9 m và hàng rào trụ xi măng, kẽm lưới B40, nền xi măng + cổng sắt phía trước căn nhà có diện tích dài 11,5 m x cao 1,9 m, tọa lạc tại ấp TP, xã TH, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Chị Nguyễn Thị Ngọc T có nghĩa vụ giao căn nhà cấp 4B và các công trình phụ được xây trên diện tích đất 215 m², tại thửa đất 176, tờ bản đồ 49, tọa lạc tại ấp TP, xã TH, huyện T, tỉnh Tây Ninh cho anh Nguyễn Xuân D.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. *Về chi phí tố tụng*: Chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Nguyễn Đình Q mỗi người phải chịu 500.000 đồng tiền chi phí định giá tài sản. Ghi nhận chị T đã nộp xong số tiền chi phí định giá 1.000.000 đồng tại biên bản giao nhận ngày 13/4/2017. Do đó anh Nguyễn Đình Q có nghĩa vụ trả lại cho chị Nguyễn Thị Ngọc T số tiền chi phí định giá tài sản là 500.000 đồng.

3. *Về án phí sơ thẩm*:

Chị Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu 6.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào 3.950.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại 02 biên lai thu số 0023398 và 0023399 ngày 22 tháng 8 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, Tây Ninh; chị T còn phải nộp thêm 2.050.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Đình Q không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào 5.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0023960 ngày 23 tháng 02 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, Tây Ninh; bà H được nhận lại số tiền chênh lệch 4.700.000 đồng.

4. *Về án phí phúc thẩm*:

Anh Nguyễn Đình Q phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0025003 ngày 12 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0025001 ngày 12 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Anh Nguyễn Xuân D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0025002 ngày 12 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND. TTN;
- TAND. H. TC;
- Chi cục THADS. H. TC;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Trần Thị Kim Sang